TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 3 - 2021
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Thuône
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Anh Đào
2. Ông Ngô Văn Chiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Bô Na, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa: Ông Kim Sum – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 437/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2021/QĐXXST- HNGĐ, ngày 08 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Kim Thị N, sinh ngày 01/01/1988.
Địa chỉ ấp B, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.
- *Bị đơn:* Anh Thạch T, sinh ngày 15/02/1996.
Địa chỉ ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.
(Chị N và anh T đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/9/2020 của nguyên đơn chị Kim Thị N trình bày: Vào năm 2016 do mai mối nên chị và anh Thạch T có xác lập quan hệ vợ chồng với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đôn Xuân, huyện Duyên Hải vào ngày 17/02/2016. Sau ngày cưới, vợ chồng cùng nhau lên thành phố Hồ Chí Minh tìm việc làm, thời gian đầu vợ chồng sống chung cũng có hạnh phúc đến khoảng năm 2018 thì vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do anh T không lo làm ăn, chỉ thích ăn chơi nhậu nhẹt say xỉn, tài sản chị mua sắm bị anh T lén

đem bán lấy tiền tiêu sài cá nhân không nói với chị lời nào và thường dùng lời lẽ chửi bới, xúc phạm và đánh đập chị nhiều lần đến khoảng tháng 7 năm 2020 thì anh T dọn dẹp đồ đạt ra sống riêng và ly thân với chị từ đó đến nay, thời gian ly thân không có bên nào tạo điều kiện hàn gắn. Nay chị nhận thấy hạnh phúc giữa chị và anh T đã không còn, vợ chồng không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên yêu cầu được ly hôn với anh Thạch T; về con chung thời gian chung sống giữa chị và anh T có 01 người con chung tên Thạch Thị Minh A, sinh ngày 13/01/2017 thì chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung thì không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 20/02/2020 của bị đơn anh Thạch T trình bày: Anh và chị Kim Thị N có kết hôn với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đôn Xuân, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh theo quy định, thời gian sống chung vợ chồng có 01 người con chung tên Thạch Thị Minh A, sinh ngày 13/01/2017, quá trình sống chung vợ chồng có hạnh phúc, cũng có mâu thuẫn nhưng không lớn chủ yếu là bất đồng vấn đề tiền bạc, đến khoảng tháng 9 năm 2020 trong thời gian thất nghiệp, không có tiền tiêu sài nên anh có bán 01 chiếc xe của vợ chồng từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân với nhau. Nay nhận thấy vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Kim Thị N.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Thạch Thị N và bị đơn anh Thạch T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án nhận thấy: Chị N và anh T đã tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu anh chị chung sống với nhau có hạnh phúc và có 01 người con chung tên Thạch Thị Minh Anh, sinh ngày 13/01/2017. Tuy nhiên, đến năm 2018 thì anh T và chị N phát sinh mẫu thuẫn, bất đồng quan điểm với nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh T không chăm lo đến cuộc sống của chị N và cháu Minh Anh nên anh chị đã sống ly thân với nhau đến nay và cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với anh T; phía anh T cho rằng tình trạng vợ chồng giữa anh và chị N là không lớn, có khả năng hàn gắn. Thời gian ly thân anh chị đã được gia đình hai bên tạo điều kiện hàn gắn nhưng không có kết quả. Do đó, việc chị N yêu cầu ly hôn với anh T là có cơ sở chấp nhận; về con con chung phía chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là phù hợp bởi hiện nay cháu Minh A đang trực tiếp sống chung với gia đình chị N, chị N có thu nhập đảm bảo nuôi dưỡng cháu Minh A nên yêu cầu

của chị N là có căn cứ; về tài sản chung và nợ chung chị N cho rằng không có, còn anh T không có yêu cầu phản tố nên không xem xét.

Từ những căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 và 58 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Kim Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Kim Thị N được ly hôn với anh Thạch T.

- Về con chung: Giao cháu Thạch Thị Minh A, sinh ngày 13/01/2017 cho chị Kim Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Thạch T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên đề nghị không đặt ra xem xét.

Về án phí phí hôn nhân và gia đình đề nghị buộc nguyên đơn chị Kim Thị N phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện thì chị Kim Thị N yêu cầu được ly hôn với anh Thạch T và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đây là vụ kiện "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh; tại phiên tòa nguyên đơn chị Kim Thị N và bị đơn anh Thạch T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị N và bị đơn anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Kim Thị N và anh Thạch T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đôn Xuân, huyện Duyên Hải vào ngày 17/02/2016 đúng quy định của luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T là hợp pháp. Sau khi kết hôn chị N và anh T cùng lên thành phố tìm việc làm, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng anh chị có hạnh phúc, có quan tâm chăm sóc lẫn nhau, thực hiện tốt nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Đến năm 2018 thì vợ chồng chị N, anh T phát sinh mẫu thuẫn, bất đồng quan điểm với nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh T không chăm lo đến cuộc sống của vợ chồng và từ đó anh chị đã sống ly thân với nhau. Thời gian ly thân gia đình hai bên có tạo điều kiện cho vợ chồng anh chị hàn gắn nhưng chỉ được thời gian ngắn anh, chị tiếp tục phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân với nhau. Quá trình tố tụng Tòa án đã mời anh chị hòa giải động viên để anh chị đoàn tụ nhưng anh chị không có

Tện chí, đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị N yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Giữa chị Kim Thị N và anh Thạch T có 01 người con chung tên Thạch Thị Minh A, sinh ngày 13/01/2017. Hiện nay cháu Minh Anh đang sống trực tiếp với gia đình chị N và chị N có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Minh A. Xét thấy, từ nhỏ cháu Minh A đã quen sống chung với gia đình chị N. Do đó, việc chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Minh A là đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu Minh A nên chấp nhận.

[4] Về phần cấp dưỡng nuôi con, phía chị Kim Thị N là người trực tiếp nuôi con không yêu cầu anh Thạch T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Kim Thị N xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Trong vụ án hôn nhân và gia đình thì nguyên đơn phải chịu theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57 và Điều 58, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Kim Thị N.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Kim Thị N được ly hôn với anh Thạch T.

+ Về con chung: Giao cháu Thạch Thị Minh A, sinh ngày 13/01/2017 cho chị Kim Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Thạch T không cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với bên trực tiếp nuôi. Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Kim Thị N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp trước bằng 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000798 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

3. Án xử sơ thẩm công khai, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được Thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã Đôn Xuân, huyện Duyên Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thạch Thuône

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Thị Anh Đào	**Ngô Văn Chiến**
	Thạch Thuône